

TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/10/2019.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Đức Tuế.

- Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên. Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn ĐG, xã KP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên toà)

- Bị đơn: Anh Đậu Văn K - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã BC, huyện Đ, Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K kết hôn ngày 04/11/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn, vợ chồng được tự do tìm hiểu khoảng 04 năm, việc kết hôn do vợ chồng tự nguyện, không ai ép buộc và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn ĐT, xã BC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2013 chị phát hiện anh K nghiện ma túy, không lo gì về kinh tế

cho vợ con, lừa lấy tiền của nhiều người bên nội ngoại để chơi bời, gây mất trật tự an ninh làng xóm, chỉ khuyên bảo, nhắc nhở nhiều lần nhưng anh K không nghe còn chửi bới, xúc phạm, đánh đập chỉ nhiều lần. Gia đình hai bên cũng đã can thiệp nhưng anh K càng nghiện nặng hơn. Nay chị không còn tình cảm yêu thương gì anh K nữa, K quyết xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Đậu Dương Ngọc A, sinh ngày 24/01/2011 và Đậu Dương Duy M, sinh ngày 29/5/2012, hiện cả hai con chung đang ở với chị tại thôn ĐN, xã KP, huyện Đ. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng đối với anh K.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có một ngôi nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng mỗi tầng khoảng 36m², đang xây dựng dở dang, chưa đưa vào sử dụng, nhà xây dựng trên đất của bố, mẹ đẻ anh K, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay mượn gì của ai, cũng không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh Đậu Văn K, để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh K trước pháp luật. Tuy nhiên, anh K không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K được chính quyền địa phương và công an xã nơi anh K sinh sống đều cung cấp anh K là người nghiện ma túy, không có việc làm, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh K không có mặt để tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị L cương quyết xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Dương Thị L, cho ly hôn giữa chị Dương Thị L và anh Đậu Văn K; Về con chung: Giao con chung Đậu Dương Ngọc A, sinh ngày 24/01/2011 và Đậu Dương Duy M, sinh ngày 29/5/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị HĐXX tạm hoãn

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K, vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có Hộ khẩu thường trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 - Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh K vẫn vắng mặt. Do đó HĐXX Quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Dương Thị L và anh Đậu Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/11/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị L và anh K nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K nghiện chất ma túy nên thường xuyên vắng nhà, không tu chí làm ăn, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến cãi vã và xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2006 đến nay anh, chị đã sống ly thân. Chị L không còn yêu thương anh K nữa, cương quyết xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được Tòa án triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt để làm việc. Do vậy, Tòa án giải quyết yêu cầu của phía chị L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

- **Về con chung:** Chị Dương Thị L và anh Đậu Văn K có 02 con chung là Đậu Dương Ngọc A, sinh ngày 24/11/2011 và Đậu Dương Duy M, sinh ngày 29/5/2012. Chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành. Vì anh K là người nghiện, không có việc làm, thường xuyên vắng nhà. Còn bản thân chị L hiện đang làm công nhân tự do, thu nhập bình quân

từ 06 đến 09 triệu đồng. Hiện nay chị L và con chung của anh chị đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị L tại thôn ĐG, xã KP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của chị L và anh K. Để bảo đảm cho con chung của chị L và anh K phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần cần phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của cả bố và mẹ. Xét thấy, chị L là người có nơi ở cố định, có việc làm và thu nhập. Còn anh K lại là người nghiện ma túy, không có việc làm, thường xuyên vắng nhà. Chị L tự nguyện được nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung của chị L và anh K. Do vậy, yêu cầu của chị L về việc nuôi con là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Nên cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh K đóng góp nuôi dưỡng con chung. Do vậy, HĐXX tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K cho đến khi có yêu cầu.

Anh K có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L được ly hôn anh Đậu Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Dương Thị L và anh Đậu Văn K là Đậu Dương Ngọc A, sinh ngày 24/11/2011 và Đậu Dương Duy M, sinh ngày 29/5/2012 cho chị Dương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc nuôi con chung của chị L được thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp nuôi dưỡng con chung đối với anh Đậu Văn K cho đến khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị L không yêu cầu xem xét giải quyết. HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 008614, ngày 26/3/2019 là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã BC, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Văn Giang